



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171: _____ Y _____ N _____

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Ng Thi Thu Hong
Last Middle First

Current Address 206 DC/8B Lạc Long Quân, P. 5. Q. 11. TP HCM

Date of Birth 1948 Place of Birth VN

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

Ng Văn Bé

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/75 To DEATH DATE: Missing

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

/(lính gửi :- Bà KHUẾ MINH THO

Chủ tịch Hội Gia đình Tù nhân Chính trị Việt Nam.

PO. BOX 5435 ARLINGTON.

VA. 22205 - 0835 - USA.

Thưa Bà và quý Hội,

Tôi mới được biết quý Hội đang lập danh sách các tù nhân chính trị Việt Nam để gửi đến văn phòng ODP làm thủ tục tái định cư.

Là vợ một đồng quan đã mất tích, tôi xin gửi về Hội lý lịch của tôi như sau để xin được tham dự chương trình này.

Họ và tên : NGUYỄN THỊ THU HỒNG
Năm sinh : 1948
Nơi sinh : Thái Bình
Địa chỉ : 206 DG/8 B Lạc Long Quân, Phường 5 Quận 11, TP/HCM.

Trước 30.4.1975 :

- Tôi là nhân viên dân sự (Thu ký đánh máy) cơ quan MACV Toán Cố Vấn 70 Hoa Kỳ, tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh - APO. 96314 SF.
- Chồng tôi là Ông NGUYỄN VĂN BÉ - sinh ngày 09.11.1929
Cấp bậc : Thiếu Tá - Số quân : 49/124.105.
Chức vụ : Trưởng phòng Tổng Quản Trị - Sư Đoàn 5 Bộ Binh.
và : Trưởng Khố Huân Luyện - Trưởng Tổng Quản Trị (Thủ Đức).

Sau 30.4.1975 :

- Tôi bị tịch thu nhà tại Cư xá Ngõ Cayền (Bình Dương).
- Chồng tôi bị bắt tại Bình Dương ngày 27.5.1975 đến nay không thấy tin tức.

Những người xin đi trong hồ sơ này gồm có :

- 1.- NGUYỄN THỊ THU HỒNG - sinh 1948 - Nữ, Độc thân, Buôn bán (Chủ hộ)
- 2.- NGUYỄN THỊ THU TRANG - sinh 10.12.1968, Nữ, Độc thân, Học sinh (Con)
- 3.- NGUYỄN THỊ CẨM VÂN - sinh 15.08.1970, Nữ, Độc thân, Học sinh (Con)
- 4.- NGUYỄN THỊ CA - sinh 1927, Nữ, Độc thân, Nội trợ (Mẹ nuôi).

Số IV và LƠI : chưa có
Địa chỉ thân nhân ở Mỹ : Không

Xin Bà và quý Hội nhận nơi đây lòng thành thật và sự biết ơn của tôi.

VIỆT NAM, ngày 04 tháng 11 năm 1989

Trân trọng,

Xin đính kèm :

- Các giấy tờ đã gửi cơ quan O.D.P.


NGUYỄN THỊ THU HỒNG

QUESTIONNAIRES FOR ORF.P - APPLICATION 8
CÂU HỎI CH O NGƯỜI HỢP ĐƠN

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

Lý lịch căn bản

1. Name : NGUYỄN THỊ THU HỒNG
 Tên
 2. Other name : _____
 Tên khác
 3. Date/place of birth : 1948, VINH PHUC, THAI BINH
 Ngày nơi sinh
 4. Residence address : 206 PC/8B ĐƯỜNG LAC LONG QUẬN PHƯƠNG 5, QUẬN 11
 Địa chỉ thường trú
 5. Mailing address : Thị trấn Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa chỉ thư từ
 6. Current occupation : Bán quần áo cũ
 Công việc hiện tại

B. RELATIVE ACCOMPANY ME

Bà con cùng đi với tôi

NOTE : Your Spouse and unmarried are the only relatives eligible to accompany you
 List marital status (MS) as follows: married (M), Divorced (D), Widowed (V)
 or Single (S).

CHÚ Ý : Vợ / Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi, kê khai tình trạng
 trong gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), Đã ly dị (D), Góa phụ góa thê (V)
 hoặc độc thân (S).

Name Họ/ tên	DOB/POB Ngày/tháng/năm sinh	Sex Phái	MS Tình trạng	Relationship Liên hệ gia đình
1. NGUYỄN THỊ THU HỒNG	1948	NỮ	S	Chủ Hộ
2. NGUYỄN THỊ THU TRANG	10-12-1968	NỮ	S	Con
3. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
4. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
5. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
6. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
7. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
8. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
9. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con
10. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	15-8-1970	NỮ	S	Con

NOTE : For the persons list above, we need legible copies certificate, marriage certificate
 (if married), Divorce (if available divorced), Spouse death certificate (if widowed)
 Identification Card (if available) and Photo.
 If of the above accompanying relatives do not live with you, please note their
 address in section I below.

CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách kê trên, chúng tôi cần 1 bản khai sinh,
 giấy thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), Giấy khai tử của vợ/chồng
 (nếu là góa phụ hoặc góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình ảnh.

Nếu bà con cùng đi với bạn, không cùng chung ngụ với bạn hiện tại, xin kê khai
 địa chỉ của họ trong phần I dưới đây.

C. RELATIVES OUTSIDE VIET NAM

Họ hàng ở ngoài quốc

I. Closet relative in the U.S.A

Bà con thân thuộc ở H.oa kỳ

A. Name : KHÔNG
 Tên/họ
 B. Relation ship :
 Liên hệ gia đình
 C. Address :
 Địa chỉ

2. Closet relatives in other countries foreign

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name : KHÔNG
 Họ/tên
 b. Relationship :
 Liên hệ gia đình
 c. Address :
 Địa chỉ

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/death)

Danh sách toàn thể gia đình (Sống/chết)

Name Họ/tên	Address Địa chỉ
1. Father Cha	<u>Nguyễn Văn Sĩ Hải</u> <u>Chết</u>
2. Mother Mẹ	<u>Nguyễn Hải Hương</u> <u>Chết</u>
3. Spouse Vợ/chồng	<u>NGUYỄN VĂN BÉ</u> <u>mất. từ ngày 27-5-1975</u>
4. Former spouse Vợ/chồng trước	
5. Children Con cái	<u>Nguyễn Thị THU TRANG</u> <u>206DC/8B Lạc Long Quân</u>
	<u>Nguyễn Thị Cẩm Vân</u> <u>Phường 5, Quận 14</u>
	<u>TP-Ho-Chi-Minh</u>
3. <u>SIBINGS</u> Anh chị em	<u>KHÔNG</u>

3. EMPLOYMENT SPOUSE US GOVERNMENT, AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU
 Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng M-ý

1. Name of person employed : NGUYỄN THỊ THU HỒNG
 Họ/tên nhân viên
2. Date From 1968 To 1973
 Ngày Từ Đến
3. Title of last position held : CHIEF OF POLICE
 Chức vụ công việc (cuối cùng) : CHIEF OF POLICE
 : TOAN CO VAN HOA KY APO 96314 S.F.
4. Agency/Company/ Offices : Bô tư lữ Sư đoàn 5 Bô Binh
 Sở/hãng/ Văn phòng
5. Name of supervisor : dân quân Edgar C. Doleman Jr. Maj. Infantry Training center
 Họ/tên người giám thị cuối cùng : Edgar C. Doleman Jr. Maj. Infantry Training center
 ADVISOR
6. Reason for leaving : CS Văn An Sinh Hoa Kỳ rút lui
 Lý do nghỉ việc : CS Văn An Sinh Hoa Kỳ rút lui
7. Training for work in Viet nam : không bị thử huấn chuẩn và giao tế dân sự
 Huân luyện việc làm tại Việt nam : không bị thử huấn chuẩn và giao tế dân sự

4. SERVICE WITH RVN OR VNAR BY YOU OR SPOUSES

Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việt nam

1. Name of person serving : NGUYỄN VĂN BÉ - Sinh ngày 09-11-1929
 Tên họ người tham gia : NGUYỄN VĂN BÉ - Sinh ngày 09-11-1929
2. Last rank : Thiếu Tá T. Sĩ quân : 49/124.105
 Cấp bậc cuối cùng : Thiếu Tá T. Sĩ quân : 49/124.105
3. Date : From 18-2-1958 To 30-4-1975
 Ngày Từ Đến
4. Ministry/Office/Military Unit : Phòng Quản trị Sư đoàn 5 Bô Binh
 Bộ/Sở/Binh chủng/Đơn vị : Phòng Quản trị Sư đoàn 5 Bô Binh
5. Reason for leaving : Bưu lộ 30/4/1975
 Lý do nghỉ việc : Bưu lộ 30/4/1975
6. Name of supervisor/ OC : Trung tá PHAM QUỐC THÂN
 Họ tên người giám thị / Sĩ quan chỉ huy : Trung tá PHAM QUỐC THÂN
7. Name of American advisor :
 Họ/tên cố vấn Mỹ :
8. US training course in Vietnam :
 Chương trình huấn luyện Mỹ tại Việt nam :
9. US award or certificate : Giấy khen hoặc chứng chỉ do Hoa Kỳ cấp :
 Giấy khen hoặc chứng chỉ do Hoa Kỳ cấp :
- NOTE : Please attach any copies of diplomas, award or certificate, (if available)
 Xin kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng chỉ (nếu có)
 YES NO
 Có : Không :

TRAINING OUTSIDE VIET NAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện tại nước ngoài

1. Name of student trainer : NGUYỄN VĂN BÉ
 Họ/tên sinh viên được huấn luyện : NGUYỄN VĂN BÉ
2. School and school address : Indianapolis, Tiểu Bang INDIANA
 Trường và địa chỉ của nhà trường : Indianapolis, Tiểu Bang INDIANA
3. Date : Lần 1 năm 1970 * Lần 2 từ 08-8-1973
 Ngày/tháng/năm : Lần 1 năm 1970 * Lần 2 từ 08-8-1973
4. Description of course : ngành Quản trị
 Mô tả ngành học : ngành Quản trị
5. Who paid for training : chính phủ Hoa Kỳ
 Ai đài thọ chương trình huấn luyện : chính phủ Hoa Kỳ

NOTE : Please attach copies of diploma or Order, (if available)

CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chứng chỉ

Yes No chi? còn hình ảnh
 Có : Không

REGISTRATION OF YOU OR YOUR SPOUSE
Họ và tên vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of person in reeducation: Nguyễn Văn Bè
Tên / họ người đi học tập cải tạo
2. Total time in reeducation: Years: 10 Months: 12 Days: 25
Tổng cộng thời gian cải tạo
3. Still in reeducation? Yes No Không
Vẫn còn cải tạo?

Bị bắt tại Bình Dương ngày 25-5-1975
Đầu này không biết tin

4. ANY ADDITIONAL REMARKS?
Ghi chú phụ thuộc

Date 04-11-1989
Ngày/tháng/năm

PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS INTERVIEW
xin liệt kê đây tất cả giấy tờ kèm theo với câu hỏi này

- 1/ Bản Sao giấy thể vi Khai Sinh của Nguyễn Thị Thu Hồng
- 2/ Bản Sao Pacific Computer Corporation của Nguyễn Thị Thu Hồng
- 3/ Bản Sao chứng chỉ tài ngh của Nguyễn Văn Bè
- 4/ Hình của Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Văn Bè, Nguyễn Thị Cẩm Vân, Nguyễn Thị Cẩm Trang, và Nguyễn Thị Cẩm Vân
- 5/ Bản Sao thức lục Khai Sinh của Nguyễn Thị Cẩm Trang
- 6/ Nguyễn Thị Cẩm Vân
- 7/ Bản Sao thể Cam Cước của Nguyễn Thị Cẩm Vân
- 8/ Giấy đi đường và bản đăng ký tạm trú của Nguyễn Thị Cẩm Vân

ISI loi rian slang
South Vietnam road
March 12, Thailand

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TÒA Sở-Thanh. Minh-Dương

TRÍCH LỤC VĂN-KIỆN THE VÌ NỘ TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

(1) Ngày 5-7-1973

TÒA Sở-Thanh. Minh-Dương

TVT/10

Giấy thể vì Khai-Sanh

cho Nguyễn-thị-Thu-Hồng

(1) Số 133

Một bản chánh giấy thể-vì Khai-Sanh

cấp cho Nguyễn-thị-Thu-Hồng

do Ông Nguyễn-ngọc-Diễn Chánh-Án Tòa Sở-Thanh. Minh-Dương

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 5-7-1973

và đã trước-bạ ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17 - 11 - 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31 - 12 - 1912 và sau khi tuyên thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

- Nguyễn-thị-Thu-Hồng (Nữ)

sinh năm 1948 tại Vĩnh-Phước tỉnh Thái-Bình (Bắc-Việt)

là con của Nguyễn-văn-Khai (chết) và Nguyễn-thị-Hương

(chết) ./.

Lệ-phi 1-9-73

Chữ ký của người thẩm phán và năm
S. 133-ĐTC-MHT-TC-TC-TC-TC

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÁNH



tháng 9 năm 19 73

PHẠM-VŨ-THƯỜNG

Serial No. KA0233

Pacific Computer Corporation

Patent No. 4208 2832B

CERTIFICATE OF ACHIEVEMENT

This is to certify that

Nguyen Thi Thu Hong

has satisfactorily completed a course in



Computer Card Punching & Verifying

given from April 1 1973 *to* June 30 1973

with the following results :

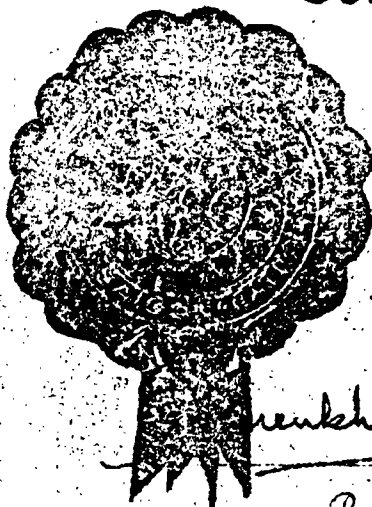
- Level : C
- Speed : 5520 strokes/hour
- Error Percentage : 15.00 %

Quang Van Boi

Training Director

H. P. Wiegley

Chairman, Certification Council



Phan Khachuey

President

Date July 5 1973

VIỆT NAM CÔNG HÒA
QUAN LỰC VIỆT NAM CÔNG HÒA
QUAN ĐOÀN 5
SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH
BỘ THAM MƯU
PHÒNG TỔNG QUẢN TRỊ

(- HÙNG (- HI 7 AI /)/ GŨ

Số : 305 /SDSB/QQT/VP.

CHỨNG - NHẬN

Họ và tên : NGUYEN VAN BE
Cấp bậc : Thiếu-Tá
Số quân : 49/I24.105
Ngày và nơi sinh : 09/11/1929 tại Mỹ-Phong (Lý-Tho)
Tên cha : NGUYEN VAN TUONG
Mẹ : TRAN THI MINH
Nhập ngũ : 18/02/1957
gian gián đoạn công vụ : Không
đang tại ngũ và phục vụ tại : BTM/Sư-Đoàn 5 BB/PTQT.
Đề : Đề bỏ tước hồ sơ xin chứng thư hành chính.



KBC.4287, ngày 20 tháng 4 năm 1971

Thiếu-Tướng NGUYEN VAN HIEU
Tư-Lệnh Sư-Đoàn 5 Bộ-Binh
Đại-Tá NGO LE TUE
Tư-Lệnh Phó kiêm Tham Mưu Trưởng
Thiếu-Tá VAN THAI HIEP
Q. Trưởng Phòng Tổng Quản Trị.

MHN
30-04-65 99-790

Minh

Hồ sơ Quân nhân

Quê: Bình Dương

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Xã: Phủ Cường

Số hiệu: 2682

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH



Tên, họ fu-nhi	Nguyễn thị Thu Trang
Nam hay Nữ	Nữ
Ngày sinh	Ngày mười tháng mười hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám
Nơi sinh	Phủ Cường
Tên, họ người cha	Nguyễn Văn Bô (độc thân)
Nghề-nghiep	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	XBC: 4287 (khai sinh nhận là con)
Tên, họ người mẹ	Nguyễn thị Thu Hồng (độc thân)
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Cư xá Ngô Quyền
Vợ chính hay thứ	..

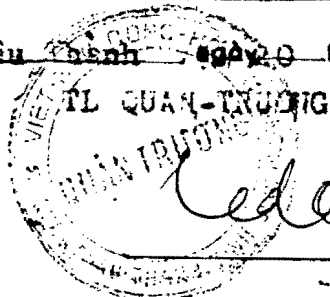
Nhận thực chữ ký của O. Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã

Phủ Cường bên đây.

TRÍCH-LỤC Y BỘ CHÍNH

Phủ Cường, ngày 20 tháng 12 năm 1968
CHỦ TỊCH BAN ỦY VIÊN HỘ TỊCH

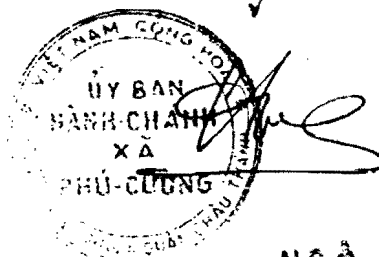
Châu Thành, ngày 20 tháng 12 năm 1968



TL QUAN-TRƯNG

[Handwritten signature]

LE DANH-Đ



NGỒ-HỒC

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI SANH

Năm 1970

Số hiệu 2752

Khai nhân đứa nhỏ là
con tử sanh của tôi và
Nguyễn thị Thu Hồng và
bằng lòng cho nó theo họ cha

Ký tên: Bé



Tên, họ ấu nhi	Nguyễn thị Cẩm Vân
Phái	Nữ
Sinh	Ngày mười lăm tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi
(Ngày, tháng, năm)	Phú-cường
Tại	
Cha	Nguyễn Văn Bé
(Tên, họ)	Quân nhân
Nghề	Phú-cường
Cư trú tại	
Mẹ	Nguyễn thị Thu Hồng
(Tên, họ)	Nội trợ
Nghề	Phú-cường
Cư trú tại	
Vợ	//
(Chánh hay thứ)	

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ủy-Viên Hộ-Tịch

Xã Phú-cường

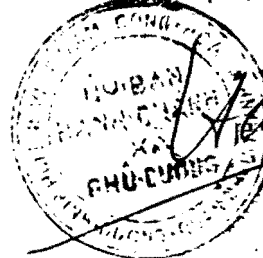
Bình-dương ngày 26 tháng 08 năm 1970

T.L. QUẬN TRƯỞNG,

Trích y bản chính :

Phú-cường ngày 26 tháng 08 năm 1970

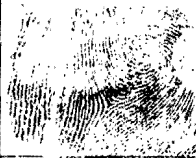
VIÊN CHỦC HỘ-TỊCH,



NGUYỄN-TRU-HAI
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA		Số	02156323
THẺ CĂN-CƯỚC			
	Họ Tên	NGUYỄN-THỊ-CA	
	Ngày, nơi sinh	1927	
		Bùi-Chau	
	Cha	Nguyễn-văn-Tôn	
	Mẹ	Trương-thị-Điện	
Địa chỉ 204-DC/LQ Dã Phú-Thọ.			

	Ngón trỏ trái	TÊN: NGUYỄN VĂN LÂN SỐ QUÂN: 222222 QUÂN: 0000 0000 0000 0000 QUÂN: 0000 0000 0000 0000
	Ngón trỏ phải	Ngày: 25/6/1969 Nơi: 0000 0000 0000 0000
Cân: 1 th 51 Chiều cao: 1m 71 Màu mắt: 0000 0000 0000 0000		Chỗ ở: 0000 0000 0000 0000 Số: 0000 0000 0000 0000

ỦY BAN QUÂN AN
THỦ DẦU MỘT

Số :

CHÁNH PHỦ CÁCH MẠNG CỘNG HÒA
MIỀN NAM VIỆT NAM
HÒA BÌNH ĐỘC LẬP DÂN CHỦ
HÒA HỢP DÂN TỘC
THỐNG NHẤT TỔ QUỐC

GIẤY ĐI ĐƯỜNG

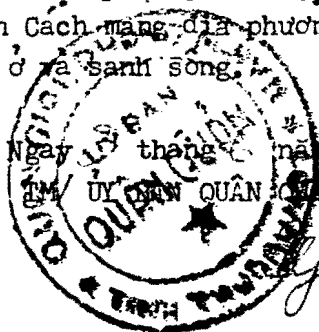
Ông, bà *Lương Thị Huệ Hồng* tuổi *22*
nguyên cư ngụ tại xã Phú Cường, nhà số
11 B. Đường Nguyễn Huệ

Được phép đưa gia đình *Dai Sơn*
về tại *Saigon. Trường Lộ 14*
.
để hỏi cư tạo cơ sở sản xuất sinh nhai .

Yêu cầu các lực lượng vũ trang nhân-
dân giải phóng, An ninh và đội tự vệ các
cấp giúp đỡ ông bà nói trên đi đến n ơ i
thuận lợi.

Giấy đi đường có hiệu lực từ *8.16*
5.5 đến *5.16* là hết hạn.

Khi đến địa phương trú ngụ trình với
Chính quyền Cách mạng địa phương để được
giúp đỡ ăn ở và sinh sống.



Ngày tháng năm 1.975
ỦY BAN QUÂN AN TÌM

Sáp 300B

Đức hiệp nam
Đức hiệp nam
Đức hiệp nam

Đức hiệp nam
Đức hiệp nam
Đức hiệp nam

Đức hiệp nam
Đức hiệp nam
Đức hiệp nam

Ủy ban quản quản-TDM

—♦♦—

Hòa hợp dân tộc-thống nhất-Tổ quốc

// TIỀN BẢN ĐANG KÝ TẠI SÀN.

000 - 4 - 000

Tên họ: ...VOYEN VAN BT... Tuổi: ...45...
 Địa chỉ: ...12 Xa Ngõ Quỳ (Thị trấn Mỹ)...
 Chức vụ: ...Đã nghỉ hưu tại Phòng Quản lý... đã trình diện ...chưa...
 Đã nộp giấy tờ: ...Đã nộp đủ...
 Tên vợ: ...VOYEN TIN THY... có mấy con trai...2... con gái ...2...
 Tên cha mẹ ruột: ...Nguyễn Văn Tuấn (s) và ...Trần Thị Hương (s)
 Tên cha mẹ vợ: ...Nguyễn Văn Hải (s) và ...Nguyễn Thị Thơm (c)

Kê khai tài sản trong nhà:

[illegible]

1) - ~~một máy đang chờ điều khiển~~ ~~waiting~~
2) -
3) -

1) - ~~một tài liệu National~~ ~~list~~
2) - ~~một thuyền buồm Admiral~~ ~~gun~~
3) - ~~2 quả mìn~~ ~~to~~ ~~ban~~ ~~học~~ ~~National~~
4) ~~hai học viên Pioneer~~ ~~CS~~ ~~to~~
5) ~~hai từ~~ ~~đặt~~ ~~trong~~ ~~quân~~ ~~áo~~
6) ~~một từ~~ ~~ấy~~ ~~trong~~ ~~quân~~ ~~áo~~ ~~lo~~ ~~hiệu~~
7) ~~một bộ~~ ~~xa~~ ~~lăng~~ ~~bằng~~ ~~hạt~~ ~~sấy~~ ~~đầu~~ ~~trên~~
8) ~~một từ~~ ~~buff~~ ~~bằng~~ ~~vấn~~ ~~áp~~
9) ~~ở~~ ~~ban~~ ~~bằng~~ ~~vấn~~ ~~áp~~
10) ~~một ghế~~ ~~đẩy~~, ~~ở~~ ~~ghế~~ ~~áp~~, ~~ở~~ ~~ghế~~ ~~đẩy~~
11) ~~một~~ ~~giường~~ ~~bằng~~ ~~lăng~~ ~~c~~ ~~đẩy~~, ~~nhưng~~
12) ~~một~~ ~~giường~~ ~~bằng~~ ~~trái~~
13) ~~một~~ ~~siêu~~ ~~thiết~~ ~~lò~~ ~~ampere~~
14) ~~một~~ ~~ngay~~ ~~lên~~ ~~reus~~
15) ~~một~~ ~~computer~~ ~~điện~~ ~~(1000)~~
16) ~~một~~ ~~computer~~ ~~nhỏ~~ ~~(4. 10⁴)~~
17) ~~trên~~ ~~sau~~ ~~20~~ ~~hàng~~ ~~đổi~~
18) ~~một~~ ~~từ~~ ~~đáp~~ ~~đo~~ ~~an~~ ~~(guide~~ ~~men)~~

Đoàn công tác
TM: BCH- Đoàn.

Ngày 7 tháng 5 năm 1975. Người chủ đăng ký

Nguyen & Huong

Mrs. NGUYỄN THỊ THU-HỒNG
206 DC/8B Lạc Long Quân
phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
Việt-Nam

PAR AVION



Bà KHUẾ MINH THƠ
To. P.O. Box. 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0835.



NOV 21 1989

U.S.A.

VIA AIR MAIL PAR AVION

PAR AVION



VIET NAM
✠ 9861 đ